

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 18-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Nhất

2. Bà Lương Thị Diên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/HSST-QĐ ngày 28/5/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lộc Quang C - Sinh năm 1973; Tên gọi khác: Không

Nơi sinh: Xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Pọng 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Lộc Văn O, đã chết; Con bà: Lương Thị B, sinh năm 1947; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 (Một), Ngày 16/01/2019 bị Công an huyện Quan Hóa xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, về hành vi “Đánh bạc” chưa thi hành.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/9/2019 chuyển tạm giam ngày 03/10/2019, hiện đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quan Hóa. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Ngọc K, trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Hà Thị C, sinh năm 1982

Trú tại: Bản Pọng 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19^h 00 phút, ngày 21/9/2019, Lộc Quang C đi bộ từ nhà ở Pọng 1, xã Hiền Kiệt dọc theo Quốc lộ 15C theo hướng lên huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Trên đường đi, Lộc Quang C gặp 01 xe ô tô đi cùng chiều nên Lộc Quang C đã xin đi nhờ xe để lên huyện Mường Lát. Khi đến bản Khảm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì Lộc Quang C xuống xe đi bộ, đi được một đoạn thì C gặp một người đàn ông dân tộc Mông không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Lộc Quang C hỏi người đàn ông này “Có ma túy bán không?” người đàn ông này trả lời “Có cả hai loại trắng và hồng” (ý nói là trắng là Hêrôin, hồng là hồng phiến). Lộc Quang C tiếp tục nói “Bán cho tôi 7.000.000^d (Bảy triệu đồng chẵn) cả hai loại”, người đàn ông này đồng ý và dẫn C vào một vườn chuối ven đường. Tại đây, Lộc Quang C lấy 7.000.000^d (Bảy triệu đồng) đưa cho người đàn ông dân tộc Mông, sau khi kiểm tra đầy đủ tiền thì người đàn ông này lấy trong túi quần ra đưa cho C một túi nilon màu xanh và nói “Đủ 200 (Hai trăm) viên”, người đàn ông này tiếp tục đưa cho C 01 túi nilon màu đen bên trong chứa chất bột màu trắng ngà, dạng cục vụn to bằng đầu ngón tay. C cầm số ma túy cất vào túi quần phía trước bên phải rồi đi bộ về nhà. Khi C về đến nhà, chị Hà Thị C (Là vợ sắp cưới của C) đang ngồi xem ti vi ở phòng khách, thấy C về chị C hỏi “Anh đi đâu về?”, C trả lời “Anh đi đánh bi-a trong bản”, sau đó C đi thẳng vào buồng ngủ, lấy hồng phiến bỏ vào hộp nhựa, hêrôin bỏ vào túi có rãnh khóa, rồi cất số ma túy vừa mua được ở dưới đầu giường ngủ. Sáng ngày 24/9/2019 khi C lấy ra 02 viên ma túy định sử dụng thì bị bắt quả tang, thu giữ trên tay phải của C 02 viên nén màu hồng, nghi là ma túy tổng hợp.

Sau khi bắt quả tang Lộc Quang C thì cơ quan CSĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lộc Quang C. Quá trình khám xét đã phát hiện và thu giữ các vật chứng, gồm:

- Tại kệ tủ phòng khách 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy J5 màu bạc; 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), gồm 05 tờ mệnh giá 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).

- Tại bên ngăn phải giường ngủ của Lộc Quang C 01 túi nilon màu trắng, miệng túi có rãnh khóa, viên màu đỏ bên trong chứa cục bột màu trắng nghi là hêrôin; 01 cân tiểu ly điện tử có chữ pocketscale.

- Tại ngăn trái giường ngủ của Lộc Quang C thu giữ 01 lọ nhựa màu trắng, miệng có nắp vặn bên trong có chứa 200 (Hai trăm) viên nén màu hồng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng có mặt đá xanh đen, bên dưới quần sợi chỉ màu hồng; 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng chẵn) gồm 100 tờ mệnh giá 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 2219/PC09 ngày 29/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- 02 (Hai) viên nén màu hồng, của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,196g (Không thấy một trăm chín sáu gam) loại: Methamphetamine.

- Các cục màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 18,373g (Mười tám phẩy ba trăm bảy ba gam) loại: Hêrôin.

- 200 (Hai trăm) viên nén màu hồng, của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 19,455g (Mười chín phẩy bốn trăm năm lăm gam) loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Lộc Quang C khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Mục đích là bị cáo tàng trữ trái phép chất là để sử dụng cho bản thân, vì bị cáo là người nghiện chất ma túy từ lâu.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-QH ngày 27/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Lộc Quang C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; mẹ bị cáo được tặng “Huy chương kháng chiến” hạng nhì và nhiều bằng khen của Bộ giáo dục, của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Bị cáo Lộc Quang C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, 2 điều 51; điểm h khoản 3 điều 249 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lộc Quang C từ **12** đến **13** tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành.

Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân nghiện chất ma túy, không tìm cách được hành vi, nên mới mua ma túy đem về để sử dụng dần, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt, nhưng có bản luận cứ bào chữa, đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng cũng như khung hình phạt

đã đề nghị. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bản thân bị cáo cũng là nạn nhân của tệ nạn xã hội; Ngoài ra bị cáo có mẹ đẻ là Lương Thị B được tặng “Huy chương kháng chiến” hạng Nhì; Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo tặng “Huy chương vì sự nghiệp giáo dục”, Chủ tịch UNND tỉnh Thanh Hóa tặng “Bằng khen”. Nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, xử bị cáo hình phạt từ 10 đến 11 năm tù là phù hợp, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo làm nghề trồng trọt, không có thu nhập thường xuyên.

Đối với số tiền 2.500.000^d bị cáo trình bày đây là tiền bị cáo bán luồng mà có; ví da, dây chuyền kim loại màu vàng, nhẫn kim loại màu vàng và cân tiểu ly, các tài sản này do bị cáo mua bằng tiền do bị cáo đi làm thuê mà có. Bị cáo đã Ủy quyền cho chị Hà Thị C nhận lại số tiền và tài sản này và chị C đã nhận lại đầy đủ, nên bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Thị C vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn chị nêu đã nhận lại đầy đủ tài sản, cũng như cũng đã được bị cáo ủy quyền nhận lại tài sản, chị đã nhận đầy đủ, nay chị không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình với luận cứ bào chữa, không bổ sung thêm gì, không khai báo thêm tình tiết mới.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, vì là người nghiện chất ma túy nên không làm chủ được bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đề nghị của người bào chữa, lời nói sau cùng của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định của cơ quan Cảnh sát điều huyện Quan Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điều 292 BLTTHS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể: Tối ngày 21/9/2019, bị cáo đi bộ và đi nhờ xe từ nhà lên huyện Mường Lát với mục đích đi tìm mua ma túy đem về sử dụng dần. Khi đến bản Khăm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì bị cáo xuống xe và đi bộ. Tại đây, bị cáo gặp một người đàn ông dân tộc Mông không quan biết, bị cáo đã hỏi người này có ma túy bán không? người này trả lời là “có” và bị cáo đã mua của người đàn ông dân tộc Mông này một túi ma túy hồng phiên và 01 cục ma túy hêrôin với số tiền là 7.000.000^d (Bảy triệu đồng chẵn), khi có ma túy thì bị cáo đi bộ về nhà và đem cất giấu trong phòng ngủ, không cho ai biết, mục đích của bị cáo giấu ma túy đi để sử dụng dần, vì bị cáo là người nghiện chất ma túy đã lâu. Đến sáng ngày 24/9/2019 khi bị cáo lấy 02 viên ma túy ra để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp về thời gian, địa điểm, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản niêm phong vật chứng, hành vi của bị cáo; Vật chứng là ma túy đã thu giữ, qua giám định là 18,373g hêrôin và 19,651g Methamphetamine, các chất ma túy này được quy định tại điểm b khoản 3 điều 249 BLHS, nhưng tổng khối lượng 02 chất ma túy bị cáo tàng trữ là 38,024g được quy định tại điểm h khoản 3 điều 249 BLHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Lộc Quang C đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 điều 249 Bộ luật hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện, người sử dụng sẽ phải phụ thuộc vào ma túy và bị hủy hoại cả thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân, hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, là nguy hiểm cho xã hội, là mầm mống phát sinh những tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có mẹ đẻ là Lương Thị B được Nhà nước tặng “Huy chương kháng chiến” hạng nhì; được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng “Huy chương vì sự nghiệp giáo dục” và Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng “Bằng khen” nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo: Ngày 09/01/2004 bị áp dụng biện pháp chữa bệnh (Cai nghiện) tại Tâm tâm Giáo dục – Dạy nghề 05-06 tỉnh Thanh Hóa, với thời

gian 12 tháng; Ngày 28/02/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 29/3/2010 thì chấp hành xong hình phạt; Ngày 18/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xử phạt 06 tháng 15 ngày tù về tội “Đánh bạc”, ngày 09/7/2016 chấp hành xong hình phạt tù, tháng 9/2016 chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm, đã được xóa án tích; Ngày 16/01/2019 bị Công an huyện Quan Hóa xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là 1.500.000^d, về hành vi “Đánh bạc” bị cáo chưa thi hành quyết định này. Qua đó cho thấy nhân thân của bị cáo là xấu, nhưng bị cáo không lấy đó là bài học để ăn năn hối cải, nay lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội và để bị cáo có điều kiện cai nghiện chất ma túy.

[6] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, khối lượng các chất ma túy bị thu giữ, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Quan Hóa thực hành quyền công tố tại phiên tòa đối với bị cáo từ 12 – 13 năm tù là chưa tương xứng với khối lượng ma túy thu giữ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo một hình phạt thấp hơn mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa; HĐXX thấy đề nghị của Người bào chữa về hình phạt đối với bị cáo từ 10-11 năm tù là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 250 BLHS “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^d đến 500.000.000^d.....”. Nhưng xét bị cáo làm nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định, lại là người nghiện chất ma túy, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với các tài sản, tiền, khi khám xét khẩn cấp đã thu giữ, quá trình điều tra, xác minh thì đây không phải là vật chứng của vụ án, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại các Điều 331, điều 332, điều 333, điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho bị cáo, nhưng bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ, nên không thể xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với chị Hà Thị Chòn (là vợ chưa cưới của bị cáo) ở cùng nhà với bị cáo, nhưng chị Chòn không biết bị cáo mua và cất giấu ma túy trong nhà, nên chị không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 260, điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều h khoản 3 điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Lộc Quang C** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Lộc Quang C** **11** (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (24/9/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ gói niêm phong và 0,104g (Không phẩy một trăm linh bốn gam) viên nén màu hồng của phong bì niêm phong có ký hiệu M1; 16,857g (Mười sáu phẩy tám trăm năm bảy gam) các cục vụn màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M2; 18,477g (Mười tám phẩy bốn trăm bảy bảy gam) các viên nén màu hồng của phong bì niêm phong có ký hiệu M2 là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả đựng trong 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Hà Văn Nhiệt và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2020 giữa Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa.

Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, điều 23, điều 26, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo **Lộc Quang C** phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo và Người bào chữa cho bị cáo; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt

hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Quan Hóa;
- Đội Điều tra tổng hợp – Công an H. Quan Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, TH;
- Bị cáo Lộc Quang C;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

